TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 07-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Phúc An Hoành**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Vũ Tiến Nhị**
Ông **Nguyễn Tấn Ngợi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Thị Kiều Vân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông **Ma Công Đằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

DƯƠNG THU H, sinh ngày 27/02/1976, tại phường P, thành phố Tuyên quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, phường P, thành phố Tuyên quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường xuyên sinh sống: Tập thể Trường THCS K, xã K, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Giáo Viên; trình độ văn hóa lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng viên Đảng cộng sản việt Nam, đã đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 05/01/2019 theo Quyết định số 137-QĐ/UBKTHU ngày 13/02/2019 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

Con ông Dương Phú T và bà Vương Thị T; có chồng là Trần Xuân Q (đã chết) và 01 con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt*.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Văn Lý, Luật sư thuộc văn phòng luật sư số 1 Vĩnh Phúc; chi nhánh tại tỉnh Tuyên Quang địa chỉ: Thôn Hưng Kiều 3, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

Bị hại:

- Nông Thị V, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

- Phùng Thị D, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Vũ Đức M, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ B, phường H, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Nguyễn Thế A, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ C, phường H, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- Nguyễn Đức T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ D, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt*.

Người làm chứng:

Nguyễn Văn V, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 12/9/2018 đến ngày 19/10/2018, Dương Thu H trú tại tổ A, phường P, thành phố Tuyên Quang; hiện là giáo viên trường Trung học cơ sở K và trường Trung học cơ sở T, huyện Lâm Bình đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trộm cắp tài sản tại xã T, huyện Lâm Bình:

Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Khoảng tháng 7/2018, Dương Thu H vào mạng Internet và thấy thông tin có Ngân hàng MB Bank của Quân đội có dịch vụ cho vay với số tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng mà không cần phải thế chấp, chỉ cần có chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu ở Hà Nội là vay được, phí hồ sơ để vay là 20.000.000 đồng. H đã liên lạc với số điện thoại ở trên mạng và trao đổi với một người đàn ông (theo lời khai của H) và người đàn ông đó hẹn gặp H ở Mỹ Đình - Hà Nội, sau đó H trực tiếp xuống Hà Nội nhưng không gặp được người đàn ông đó. Qua tìm hiểu H biết rõ không có Ngân hàng nào có dịch vụ như thông tin trên mạng Internet. Thấy chị Nông Thị V trú tại thôn B, xã T, huyện Lâm Bình là giáo viên Trường THPT T đang có nhu cầu vay tiền, H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị V nên đã nói dối chị V là H có khả năng vay được số tiền tiền từ ba trăm triệu đến năm trăm triệu đồng nhưng chị V phải nộp tiền phí là 20.000.000 đồng. Chị V tin H nói thật nên đã giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển số 22N1 - 000.58 cho

H để đem đi cầm cố lấy tiền trả tiền phí dịch vụ vay tiền. Vào ngày 12/9/2018, H đem xe của chị V đến hiệu cầm đồ Hùng Hương ở tổ C, phường H, thành phố Tuyên Quang gặp anh Nguyễn Đức M là nhân viên của hiệu cầm đồ Hùng Hương để cầm cố nhưng do không có giấy tờ xe nên anh M không đồng ý cho H cầm cố mà chỉ đồng ý cho H vay tiền, để lại chiếc xe mô tô biển số 22N1-000.58 làm tin. H viết giấy vay tiền anh M số tiền là 4.500.000 đồng, nhưng M chỉ đưa cho H 4.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền H sử dụng số tiền đó cho cá nhân hết. Chị V biết H đã cầm cố xe của mình nhưng không nói đến dịch vụ vay tiền, chị V biết đã bị H lừa đã yêu cầu H lấy lại xe thì H nói muốn chuộc xe thì phải đưa cho H 4.500.000đồng. Ngày 18/9/2018, chị V gửi anh Nguyễn Văn V, trú tại thôn N, xã L, huyện Lâm Bình số tiền 4.500.000 đồng đưa cho H để H đi chuộc xe mô tô về nhưng H không đi chuộc xe mà sử dụng số tiền của chị V để chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe mô tô biển số 22N1 - 000.58 của chị V sau đó anh Nguyễn Đức M đã bán cho một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lâm Bình, kết luận: Trị giá còn lại của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22N1-00058 thời điểm tháng 9/2018 có trị giá là 4.229.200 đồng.

Hành vi Trộm cắp tài sản: Ngày 16/10/2018, Dương Thu H đến trường Trung học cơ sở T, huyện Lâm Bình để dạy học thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS biển số 22B2-217.73 của chị Phùng Thị D trú tại thôn N, xã N, huyện Na Hang (là giáo viên cùng trường với H) dựng ở nhà để xe, chìa khóa điện vẫn cắm ở ổ khóa, H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này nên rút chìa khóa điện cất vào túi mình. Chị D bị mất chìa khóa điện nhưng nghĩ mình đánh rơi nên lấy chìa khóa phụ ra để sử dụng. Chiều ngày 19/10/2018, trường Trung học cơ sở xã T mời các thầy cô giáo đến trường liên hoan trong đó có cả H và chị D. Chị D để chiếc xe mô tô biển số 22B2-217.73 của mình ở nhà để xe của trường. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày khi mọi người đang ăn liên hoan thì H lẻn ra nhà xe, thấy chiếc xe mô tô biển số 22B2-217.73 của chị D dựng ở trong nhà để xe, quan sát thấy không có ai, H dùng chìa khóa điện đã lấy trộm từ ngày 16/10/2018 mở khóa điện xe máy và dắt xe xuống cổng trường rồi nổ máy xe điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được vào xã K, huyện Lâm Bình. Khi đến khu vực thôn K, xã K, huyện Lâm Bình thấy đoạn đường vắng H tắt máy, rút chìa khóa điện rồi dấu xe máy ở bên cạnh đường. Sau đó H đi bộ quay lại một đoạn và đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông đi đường không biết tên, tuổi, địa chỉ về trường Trung học cơ sở T và tiếp tục vào ăn cơm liên hoan cùng mọi người.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, H đi nhờ xe mô tô về khu tập thể trường Trung học cơ sở K, huyện Lâm Bình, đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/10/2018, H đi bộ ra chỗ cất dấu xe đã trộm cắp, H điều khiển xe mô tô theo hướng vào xã L, huyện Lâm Bình rồi đi về thành phố Tuyên Quang. Khoảng 19 giờ cùng ngày, H đến thành phố Tuyên Quang và vào uống nước tại quán trà đá gần Đài truyền hình tỉnh Tuyên Quang thuộc phường P, thành phố Tuyên Quang, H gọi điện và gặp anh Nguyễn Đức T trú tại tổ D, phường P, thành phố Tuyên Quang (H và anh T đã quen biết nhau từ trước). H nói dối anh T chiếc xe mô tô biển số 22B2-217.73 là xe của H và nhờ anh T đem đi cầm cố giúp, H sẽ trả tiền công. Anh T đồng ý và đem xe mô tô đến hiệu cầm đồ Hùng Hương để cầm cố. Do không có giấy tờ đăng ký xe nên nhân viên hiệu cầm đồ Hùng Hương là anh Vũ Đức M không cho anh Tài cầm cố mà chỉ cho anh T vay tiền, đặt xe mô tô biển số 22B2-217.73 làm tin. Hai bên thỏa thuận, anh M cho T vay 5.000.000 đồng, nhưng thực tế anh M chỉ đưa cho anh T 4.500.000 đồng, còn 500.000 đồng thì khi nào anh T đến trả tiền, rút xe hai bên sẽ tính toán. Sau khi vay được tiền của anh M, anh T quay lại gặp và đưa tiền cho H, H cầm 4.000.000 đồng và cho anh T 500.000 đồng. Số tiền này H chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lâm Bình, kết luận: Trị giá còn lại của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22B2-217.73 của chị D bị H trộm cắp tại thời điểm tháng 10/2018 là 14.313.300 đồng.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSLB ngày 23/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo để xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 và tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình đề nghị giữ nguyên nội dung cáo trạng số 01/CT-VKSLB ngày 23/01/2019 và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Dương Thu H từ 12 đến 15 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Dương Thu H từ 10 đến 12 tháng tù; áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo về hai tội từ 22 đến 27 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584,585, 588, 589, 357 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo bồi thường số tiền giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển số 22N1 - 000.58 là 4.229.200 đồng; đề nghị ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền đã thực hiện hành vi lừa đảo lần 02 là 4.500.000 đồng. Về hình phạt bổ sung phạt tiền theo khoản 5 Điều

174 và khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đề nghị hội đồng xét xử không áp dụng. Về án phí, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Về quyền kháng cáo đề nghị hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng có mặt, vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị: Về tội danh nhất trí theo nội dung buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình. Về đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chưa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, ngoài nội dung Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung thêm cho bị cáo các điểm h, i khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 05 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 04 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp chung cho 02 tội là 09 tháng tù, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Bị cáo Dương Thu H nhất trí theo nội dung đề nghị của người bào chữa, không có ý kiến đề nghị bổ sung thêm.

Bị hại Nông Thị V xác định tại phiên tòa đã được bị cáo bồi thường, hoàn trả số tiền 4.500.000 đồng là tiền mà bị cáo H đã chiếm đoạt lần thứ hai. Về giá trị còn lại của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển số 22N1 - 000.58 mà bị cáo H đã chiếm đoạt lần thứ nhất, chị V không chấp nhận theo đánh giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lâm Bình xác định là 4.229.200 đồng, yêu cầu bị cáo bồi thường là 10.000.000 đồng. Về hình phạt đối với bị cáo, chị V đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị hại Phùng Thị D xác định tài sản xe mô tô mà bị cáo H trộm cắp đã được cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Bình trả lại, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 12/9/2018 bị cáo Dương Thu H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX mang biển kiểm soát 22N1 - 000.58, có giá trị là 4.229.200 đồng của chị Nông Thị V tại thôn B, xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Ngày 18/9/2018, bị cáo Dương Thu H tiếp tục có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền mặt) của chị Nông Thị V số tiền là 4.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản, tiền bị cáo Dương Thu H đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Nông Thị V là 8.729.200 đồng (*tám triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn hai trăm đồng*). Ngày 19/10/2018, bị cáo Dương Thu H đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS mang biểm kiểm soát 22B2-217.73 của chị Phùng Thị D tại trường Trung học cơ sở T, huyện Lâm Bình, tài sản có giá trị là 14.313.300 đồng (*mười bốn triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm đồng*).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 và tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ quy định của pháp luật; là viên chức (giáo viên) lẽ ra bị cáo cần phải có ý thức gương mẫu, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Do thiếu tu dưỡng, coi thường pháp luật, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên đối với hành vi thực hiện về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả một phần cho bị hại Nông Thị V; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có mẹ đẻ được Chủ tịch Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba; người bị hại Phùng Thị D đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; thường xuyên sinh sống (công tác) tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; xét nội dung buộc tội, đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình; nội dung đề nghị, bào chữa của người bào chữa cho bị cáo; của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử thấy rằng trong một thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội, trong đó tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản phạm tội 02 lần; người phạm tội bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội, do đó không có căn cứ áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo. Áp dụng tù có thời hạn, cần có mức án nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm do bị cáo gây ra, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đủ sức giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và làm gương phòng ngừa chung. Nội dung đề nghị áp dụng các điểm h, i khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của người bào chữa cho bị cáo hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Đối với Nguyễn Thế A là người được ủy quyền quản lý cửa hàng cầm đồ Hùng Hương nhưng các giao dịch khi bị cáo H mang xe máy lừa đảo của bị hại được đến để cầm cố, thế chấp vay tiền và khi trộm cắp được xe máy của bị hại nhờ Nguyễn Đức T mang tài sản đến để cầm cố, thế chấp vay tiền, Nguyễn Thế A không thực hiện giao dịch cầm cố, thế chấp tài sản do phạm tội mà có, do vậy không có căn cứ xử lý.

[6] Đối với Nguyễn Đức T đã có hành vi giúp đỡ, hỗ trợ bị cáo H mang chiếc xe máy do bị cáo trộm cắp thế chấp với Vũ Đức M để vay số tiền 5.000.000 đồng, được bị cáo cho 500.000 đồng, khi được bị cáo nhờ và khi thực hiện việc thế chấp xe vay tiền giúp T không biết xe máy là do bị cáo trộm cắp mà có, không có cơ sở xử lý đối với Nguyễn Đức T.

[7] Đối với Vũ Đức M đã có hành vi nhận 01 xe máy do bị cáo H lừa đảo được mang đến để thỏa thuận cho vay số tiền 4.500.000 đồng và 01 xe máy do bị cáo H trộm cắp sau đó nhờ Nguyễn Đức T mang đến thế chấp vay số tiền 5.000.000 đồng. Khi thực hiện giao dịch với bị cáo H và với Nguyễn Đức T do M không biết các tài sản trên là do phạm tội mà có, do đó không có căn cứ để xử lý đối với Vũ Đức M.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản vật chứng là 01 chiếc xe máy mang biển kiểm soát 22N1-000.58 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được, cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định. Đối với vật chứng trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe máy mang biển kiểm soát 22B2-217.73, trong giai

đoạn điều tra ngày 28/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Lâm Bình đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp Phùng Thị D nên không phải xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản xe máy do lừa đảo và trộm cắp của bị cáo đối với Vũ Đức M là giao dịch trái pháp luật, vô hiệu về nguyên tắc cần buộc các bên phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Đối với chiếc xe máy Honda Wave RSX mang biển kiểm soát 22N1 - 000.58 của bị hại Nông Thị V, sau khi bị cáo lừa đảo được mang xe đến hiệu cầm đồ để cầm cố, do không có giấy đăng ký xe, không thực hiện cầm cố được, bị cáo đã vay tiền với Vũ Đức M 4.500.000 đồng, có thế chấp xe, máy thỏa thuận vay tiền trong thời hạn 10 ngày, hết thời hạn bị cáo không thanh toán tiền, M đã bán chiếc xe máy cho người khác không thu hồi được tài sản. Đối với chiếc xe máy của chị D trong vụ án trộm cắp, xe máy cơ quan điều tra đã thu giữ trả cho chủ sở hữu hợp pháp, bị cáo đã thỏa thuận thanh toán số tiền vay cho Vũ Đức M, không phải xem xét. Đối với chiêc xe máy của chị V, đã được cơ quan chức năng xác định có giá trị là 4.229.200 đồng, nội dung dung kết luận, đánh giá về giá trị xe máy của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Lâm Bình là có căn cứ; bị hại Nông Thị V yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị của xe mô tô trên số tiền 10.000.000 đồng không có căn cứ để xem xét, do đó buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại bằng giá trị đã được xác định.

Đối với số tiền 4.500.000 đồng bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của bị hại Nông Thị V lần thứ 02, tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện thanh toán, hoàn trả cho bị hại, nội dung thanh toán tiền của bị cáo với bị hại là phù hợp với quy định, hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện thanh toán tiền giữa bị cáo với bị hại.

Đối với chiếc xe máy của chị Phùng Thị D, chủ sở hữu đã nhận lại tài sản, xe không bị hỏng, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không phải xem xét.

[10] Tịch thu, truy thu vật, tiền liên quan đến tội phạm: Đối với bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội, về tài sản xe máy, tiền bị cáo chiếm đoạt trong vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo phải thực hiện việc bồi thường, bồi hoàn cho bị hại; số tiền có được từ hành vi trộm cắp tài sản rồi mang xe đi vay tiền đã được hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do đó không cần thiết tịch thu, truy thu tiền có được do phạm tội mà có. Đối với Nguyễn Đức T được bị cáo cho 500.000 đồng sau khi mang hộ xe máy trộm cắp được để thế chấp vay tiền cho bị cáo, số tiền trên trong giai đoạn điều tra Nguyễn Đức T cùng với bị cáo đã tự nguyện thanh toán, hoàn trả cho Vũ Đức M, do đó không cần thiết thực hiện truy thu.

[11] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy mặc dù bị cáo là viên chức (giáo viên), nhưng điều kiện kinh tế khó khăn, không cần thiết, nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 48, 55 Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQHH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên bố bị cáo Dương Thu H phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội trộm cắp tài sản. Xử phạt Dương Thu H, 10 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tổng hợp hình phạt chung buộc phải chấp hành là 01 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án.

Buộc Dương Thu H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nông Thị V giá trị của chiếc xe máy Honda Wave RSX mang biển kiểm soát 22N1- 000.58 số tiền là 4.229.200 đồng (*bốn triệu hai trăm hai mươi chín nghìn hai trăm đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận hoàn trả, bồi thường thiệt hại lập ngày 07/3/2019 của bị cáo Dương Thu H cho bị hại Nông Thị V số tiền 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo Dương Thu H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 07/3/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Công an huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- UBKT Huyện ủy Lâm Bình;
- Trường THCS K;
- Cơ quan Tổ chức -Nội vụ huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THAHS
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phúc An Hoành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Vũ Tiến Nhị	**Nguyễn Tấn Ngợi**	**Phúc An Hoành**